**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**Môn : Lịch sử 11. (Năm học; 2024-2025)**

**I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

**Câu 1**. Nguyên nhân chủ yếu khiến Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm là

A. Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng.

B. Việt Nam có nền kinh tế kém phát triển, dân số đông.

C. Việt Nam có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Đông Nam Á.

D. Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản nhiều nhất thế giới.

**Câu 2**. Năm 1258, Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ, Trần Thái Tông đã chỉ huy quân và dân ta giành thắng lợi trong trận quyết chiến tại

A. Chương Dương, Thăng Long. B. Rạch Gầm, Xoài Mút.

C. Phòng tuyến Như Nguyệt. D. Bình Lệ Nguyên.

**Câu 3.** Người chỉ huy quân và dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống quân Tống trên sông Bạch Đằng năm 981 là

A. Lê Hoàn. B. Lý Thường Kiệt

C. Trần Thái Tông, Trần Thủ Độ D. Nguyễn Huệ.

**Câu 4**. Năm 1406-1407, Nhà Hồ đã thất bại trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống lại quân xâm lược nào sau đây?

A. Kháng chiến chống quân Xiêm Xâm lược.

B. Kháng chiến chống quân Tống Xâm lược.

C. Kháng chiến chống quân Mông Cổ Xâm lược.

D. Kháng chiến chống quân Minh Xâm lược.

**Câu 5.** Nhân dân Việt Nam đã tiến hành nhiều cuộc khởi nghĩa giành độc lập trong hơn một nghìn năm để chống lại ách đô hộ của

A. phong kiến phương Bắc. B. thực dân Pháp.

C. phát xít Nhật. D. đế quốc Mỹ.

**Câu 6.** Năm 1407, cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhà Hồ thất bại đã để lại hậu quà gì?

A. Kinh tế bị suy thoái, xã hội bất ổn.

B. Tình hình chính trị đất nước không ổn định.

C. Đất nước bị giặc Minh đô hộ (1407-1427).

D. Các cuộc kháng chiến của nhân dân bị đàn áp nặng nề.

**Câu 7**. Năm 1418 - 1423, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trong tình thế như thế nào?

A. Gặp nhiều khó khăn, căn cứ nhiều lần bị bao vây.

B. Căn cứ cuộc khởi nghĩa không ngừng được mở rộng.

C. Khởi nghĩa đã giành được những thắng lợi đầu tiên.

D. Luôn chủ động trong các trận chiến đấu với quân Minh.

**Câu 8**. Đặc điểm về tình hình chính trị ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Tần là

A. quyền hành tập trung vào tay Trương Phúc Loan.

B. chúa Nguyễn trực tiếp nắm mọi quyền hành.

C. quyền lực bị phân tán theo các phe phái trong triều.

D. quyền lực tập trung ở các hào trưởng địa phương.

**Câu 9.** Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến kinh tế nước ta vào nửa sau thế kỉ XIV, rơi vào tình trạng khủng hoảng?

A. Nhà nước chỉ chú trọng phát triển ngành thương nghiệp.

B. Nhà nước thực hiện chính sách mở cửa, tự do buôn bán.

C. Nhà nước không còn chăm lo đến sản xuất nông nghiệp.

D. Nhà nước chỉ chú trọng phát triển ngành thủ công nghiệp.

**Câu 10.** Một trong những nội dung cải cách về kinh tế, xã hội của Hồ Quý Ly và Triều Hồ là

A. thực hiện chính sách hạn điền.

B. thống kê số nhân khẩu trong cả nước.

C. hạn chế sự phát triển của phật giáo.

D. đề cao sử dụng chữ Nôm.

**Câu 11.** Một trong những nội dung cải cách về quân sự của Hồ Quý Ly và Triều Hồ là

A. thực hiện chính sách hạn điền.

B. hạn chế sự phát triển của phật giáo.

C. đề cao sử dụng chữ Nôm.

D. tăng cường phòng thủ ở những nơi trọng yếu.

**Câu 12.** Một trong những nội dung cải cách về văn hóa, giáo dục của Hồ Quý Ly và Triều Hồ là

A. thực hiện chính sách hạn điền.

B. tăng cường phòng thủ ở những nơi trọng yếu.

C. hạn chế sự phát triển của phật giáo.

D. chấn chỉnh lại chế độ thi cử.

**Câu 13.** Năm 1460, vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước như thế nào?

A. Chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước từng bước được ổn định.

B. Chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước rơi vào khủng hoảng.

C. Kinh tế phát triển vượt bậc nhưng xã hội rơi vào tình trạng bất ổn.

D. Kinh tế kém phát triển, chính trị, xã hội bắt đầu suy thoái.

**Câu 14.** Về hành chính, Lê Thánh Tông đã thực hiện biện pháp gì để nâng cao quyền lực của nhà vua?

A. Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.

B. Xóa bỏ tất cả các chức quan đại thần trong triều.

C. Tiến hành hạ bậc các chức quan cao xuống nhiều lần.

D. Tiến hành tuyển chọn các quan đại thần bằng thi cử.

**Câu 15.** Để tăng cường sự quản lý của nhà nước có hiệu quả hơn, vua Lê Thánh Tông đã chú trọng biện pháp gì?

A. Xây dựng và huấn luyện quân đội hiện đại.

B. Tăng cường chính sách ngoại giao.

C. Ưu tiên phát triển kinh tế nông nghiệp.

D. Hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lí nhà nước.

**Câu 16.** Năm 1466, để tăng cường sức mạnh của quân đội vua Lê Thánh Tông đã thực hiện chính sách gì?

A. Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố.

B. Mua sắm các trang thiết bị chiến tranh mới.

C. Tăng cường tuyển chọn binh lính.

D. Cải tổ hệ thống quân đội.

**Câu 17.** Một trong những biện pháp mà vua Gia Long chú trọng thực hiện sau khi lên ngôi hoàng đế là

A. thực hiện các chính sách nhằm ổn định tình hình đất nước.

B. đặt ra các loại thuế mới để bổ sung vào ngân khố nhà nước.

C. thực hiện tuyển quân, tăng cường sức mạnh của quân đội.

D. tiến hành chiến tranh xâm lấn, mở rộng lãnh thổ.

**Câu 18.** Một trong những biện pháp mà vua Gia Long chú trọng thực hiện sau khi lên ngôi hoàng đế là

A. đặt ra các loại thuế mới để bổ sung vào ngân khố nhà nước.

B. thực hiện tuyển quân, tăng cường sức mạnh của quân đội.

B. tiến hành chiến tranh xâm lấn, mở rộng lãnh thổ.

D. ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ.

**Câu 19.** Cuộc cải cách của vua Minh Mạng thực hiện đã đạt được kết quả là

A. xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.

B. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

C. đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng.

D. đất nước hùng cường, lãnh thổ không ngừng được mở rộng.

**Câu 20.** Cuộc cải cách của vua Ming Mạng có ý nghĩa là

A. lãnh thổ đất nước không ngừng được mở rộng.

B. tạo điều kiện để hoàn thành thống nhất đất nước về lãnh thổ.

C. đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kéo dài.

D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính.

**Câu 21.** Phần lãnh thổ nào sau đây nằm ở phía đông nam của bờ biển Việt Nam có vị trí là trung tâm của Biển Đông?

A. Đảo Cồn Cỏ. B. Quần đảo Trường sa.

C. Đảo Phú Lâm. D. Đảo Linh Côn.

**Câu 22.** Biển Đông là một vùng biển kín thuộc khu vực

A. Bắc Băng Dương. B. Ấn Độ Dương.

C. Đại Tây Dương. D. Thái Bình Dương.

**Câu 23.** Đây là vùng biển thuộc Thái Bình Dương, có đặc điểm nổi bật là nơi hình thành và hoạt động của nhiều áp thấp nhiệt đới, bão.

A. Biển Đông. B. Biển San Hô.

C. Biển Tasman. D. Biển Bering.

**Câu 24.** Đặc điểm về địa hình của hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa thuộc chủ quyền lãnh thổ của

Việt Nam là

A. nằm hoàn toàn trên phần lãnh thổ đất liền.

B. sự tiếp nối liên tục của đất liền và biển.

C. nằm hoàn toàn trên phần lãnh hải Biển Đông.

D. không có mối liên hệ về cấu trúc địa lí.

**Câu 25.** Khu vực nào của Việt Nam ***không*** tiếp giáp với Biển Đông?

A. Tây Bắc. B. Phía Đông. C. Phía Nam. D. Tây Nam.

**Câu 26.** Nước nào sau đây là quốc gia đầu tiên xác lập chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường

Sa ở Biển Đông?

A. Việt Nam. B. In-đô-nê-xi-a. C. Phi-lip-pin. D. Trung Quốc.

**Câu 27.** Lễ Khao thề thế lính là một tập tục cổ truyền có từ thời Hải đội Hoàng Sa (thế kỷ XVII)

nhằm

A. tuyển chọn binh lính vào hải quân.

B. tổ chức mừng năm mới của ngư dân.

C. tri ân những người đi làm nhiệm vụ ở hải đảo.

D. nghiên cứu và khai thác thủy hải sản.

**Câu 28.** Dưới thời vua Gia Long, triều đình đã tiến hành hoạt động gì để khẳng định chủ quyền ở

quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

A. lập đội ngư dân tiến hành đánh bắt thủy hải sản ở Biển Đông.

B. thực hiện các hoạt động xua đuổi ngư dân nước ngoài.

C. thường xuyên tổ chức các lễ hội cho ngư dân ở đây.

D. tổ chức đội thủy quân chuyên trách thực thi chủ quyền ở đây.

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai (4.0 điểm):** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b),**

**c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn Đúng (Đ) hoặc Sai (S)

**Câu 1:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cấm binh coi giữ ba ty để làm vuốt nanh, tim óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc…. Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương…. Tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau…”

(Lời dụ của Lê Thánh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.453).

a. Lời dụ trên thể hiện nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, cụ thể là tổ chức bộ máy chính quyền.

b. Các cơ quan trung ương được nhắc đến trong lời dụ gồm: sáu bộ, sáu khoa, sáu tự, thừa ty.

c. Tổng binh là một trong những chức vụ quan lại được nhắc đến trong lời dụ của vua Lê Thánh Tông.

d. Theo lời dụ của Lê Thánh Tông, tất cả các cơ quan, chức quan cần làm việc một cách minh bạch, dân chủ, độc lập, tránh ràng buộc nhau.

**Gợi ý: a. Đ b. S c. Đ d. S**

**Câu 2:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi chầu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gụi đề phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tấu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc tòa Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chước lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục,* Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004)

a. Nội các là một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương nhà Nguyễn từ thời vua Minh Mạng.

b. Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ

c. Theo lời dụ của Minh Mạng, một trong những nhiệm vụ của Nội các là giúp vua khởi thảo sắc, chiếu, sớ tấu…

d. Nội các chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhà vua, đồng thời chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

**Gợi ý: a. Đ b. S c. Đ d. S**

**Câu 3:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

**“**Biển Đông là nơi cư trú của 12 nghìn loài sinh vật, trong đó có khoảng 2040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú… Trong khu vực này, tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn.

Khu vực thềm lục địa của biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn trũng Bru – nây, Nam Côn sơn, Hoàng Sa, …”

(Nguyễn Văn Âu, *Địa lí tự nhiên Biển Đông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.33, 71 – 72)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú ở Biển Đông.

b. Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông rất phong phú đa dạng, nhưng chỉ có động vật mà không có thực vật.

c. Dầu khí là một trong những nguồn tài nguyên khoáng sản đặc biệt quan trọng ở Biển Đông.

d. Nguồn dầu khí ở Biển Đông chỉ có thể được khai thác ở 3 địa điểm: bồn trũng Bru – nây, Nam Côn sơn, Hoàng Sa.

**Gợi ý: a. Đ b. S c. Đ d. S**

**Câu 4:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng năm chiếc thuyền nhỏ, ra biển ba ngày ba đêm thì đến đảo ấy. Lấy được hoá vật của tàu như là gươm ngựa, hoa bạc, hòn bạc, đổ đổng, khối chì, súng, ngà voi, đổ sứ, đổ chiêm, cùng là vỏ đồi mồi, hải sâm, hạt ốc vân rất nhiều... Đến kì tháng 8 thì về. Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải. Lệnh cho đi chiếc thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên”.

(Theo Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Văn hoá - Thông tin, 2007, tr. 155)

a. Đoạn trích trong cuốn *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn trình bày quá trình hình thành và phát triển của quần đảo Hoàng Sa.

b. Nhà Nguyễn đặt đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải nhằm thực hiện quyền quản lý của mình đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

c. Đội Hoàng Sa do nhà Nguyễn thành lập gồm 70 người, thực hiện nhiệm vụ của mình tại quần đảo Hoàng Sa định kì hàng năm từ tháng 2 đến tháng 10.

d. Một trong những nhiệm vụ của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải là khai thác sản vật, thu lượm hàng hóa của những con tàu gặp nạn ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

**Gợi ý: a. S b. Đ c. S d. Đ**

**III. TỰ LUẬN**

1. **Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược,**

**nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.**

***Gợi ý trả lời:***

**- Biển Đông được coi là tuyển giao thông đường biển huyết mạch:**

+ Biển Đông nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Á - châu Âu, châu Á - Trung Đông.

• Trong lịch sử, Biển Đông được coi là tuyến đường thiết yếu trong giao thông, giao thương, di cư,... giữa Ấn Độ và Trung Quốc, đồng thời là một phần quan trọng của con đường Tơ lụa trên biển kết nối phương Đông với phương Tây.

• Hiện nay, Biển Đông giữ vị trí là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới tính theo tổng lượng hàng hoá thương mại vận chuyển hàng năm.

+ Ở Biển Đông có những eo biển giữ vai trò quan trọng đối với nhiều quốc gia và nền kinh tế trên thế giới từ xưa đến nay, như: eo biển Ma-lắc-ca, eo biển Xun-đa, eo biển Lôm-bốc,... Những eo biển này giúp cho đường giao thông trên biển qua các đại dương ngắn lại, tiết kiệm chi phí vận tải và hạn chế rủi ro.

**- Tầm quan trọng chiến lược về kinh tế của Biển Đông:**

+ Với vị trí chiến lược quan trọng và nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng, Biển Đông vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế, vừa tạo điều kiện thuận lợi để các quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp giáp có thể phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, với những ngành mũi nhọn như: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác khoáng sản; vận tải hàng hải và du lịch biển.

+ Nhiều nước ở khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Inđônêxia, Xingapo, Việt Nam,...  có nền kinh tế gắn liền với các con đường thương mại, hệ thống cảng biển và nguồn tài nguyên trên Biển Đông.

+ Biển Đông được coi là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á với một khối lượng lớn hàng hoá vận chuyển quốc tế qua đây. Khoảng hơn 90% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển và 45 % trong số đó phải đi qua vùng Biển Đông.

**- Tầm quan trọng chiến lược về chính trị - an ninh của Biển Đông:**

+ Trong lịch sử, Biển Đông là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của nhiều nước lớn, đồng thời là nơi diễn ra quá trình giao thoa của các nền văn hoá như: Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa…. Vì vậy, các quốc gia và vùng lãnh thổ ven Biển Đông là nơi tập trung đa dạng các mô hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của thế giới. Tình trạng tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông cũng xuất hiện từ sớm và khá phức tạp.

**+**Hiện nay, Biển Đông có vị trí địa - chính trị quan trọng đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Khi giao thương trên biển phát triển, sự phụ thuộc của các quốc gia vào các tuyến đường biển đi qua Biển Đông ngày càng lớn hơn. Vì thế, an ninh trên Biển Đông sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích an ninh, chính trị và sự thịnh vượng về mặt kinh tế của khu vực, trong đó có Việt Nam.

**- Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tài nguyên sinh vật và khoáng sản.**

+ Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng với hàng trăm loài bao gồm cả động vật, thực vật. Trong đó, cá và các loài động vật thân mềm như tôm, mực, hải sâm.... có trữ lượng lớn. Biển Đông cũng cung cấp nhiều loại thực vật có giá trị như rong biển, tảo biển, rau câu,...

+ Biển Đông còn có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Bên cạnh đó, vùng biển này còn có những nguồn tài nguyên khác như: năng lượng thuỷ triều, năng lượng gió; cát và hoá chất trong cát; muối và các loại khoáng chất.....

**2. Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.**

***Gợi ý trả lời:***

Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền của Tổ quốc. Cụ thể:

+ Các đảo và quần đảo Việt Nam tạo ra cơ sở để phát triển đa dạng các ngành kinh tế biển, như: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác khoáng sản; vận tải hàng hải và du lịch biển.

+ Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho các tàu di chuyển trên biển, phục vụ tuyến đường hàng hải huyết mạch trên Biển Đông.

+ Hệ thống đảo, quần đảo ở vùng biển Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh. Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, quần đảo trên Biển Đông đã hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần, tạo thành hệ thống an ninh vững chắc để bảo vệ đất liền.

**3. Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ.**

***Gợi ý trả lời:***

- Dựa trên cơ sở vị trí địa lí, điều kiện kinh tế, cư dân sinh sống, hệ thống các đảo và quần đảo của Việt Nam Việt Nam thường được chia thành:

+ Hệ thống đảo tiền tiêu. Ví dụ: Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn,...

+ Các đảo lớn. Ví dụ: Cô Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm,...

+ Các đảo ven bờ. Ví dụ: các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ,...

+ Hai quần đảo xa bờ là: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- Quần đảo Hoàng Sa nằm trong khoảng từ 15°45'B đến 17°15'B và từ 111°Đ đến 113°Đ, trải rộng trên vùng biển có diện tích khoảng 30.000 km2; cách thành phố Đà Nẵng khoảng 170 hải lí và cách đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) khoảng 120 hải lí.

- Quần đảo Trường Sa cách quần đảo Hoàng Sa trên 200 hải lí về phía đông nam, nằm trong khoảng từ 6°50'B đến 12°0'B và từ 111°30'Đ đến 117°20’Đ, cách vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) khoảng 248 hải lí.